

Trường Trung Học Yerba Buena

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2024-2025 (Công bố trong năm học 2025-2026)



Thông Tin Chung về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng Quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy Cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2025-26

Tên Trường học	Trường Trung Học Yerba Buena
Đường phố	1855 Lucretia Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	San Jose, CA 95122
Số điện thoại	408-347-4710
Hiệu Trường	Lyra Hua
Địa chỉ email	hual@esuhdsd.org
Trang web của trường	http://yerbabuena.esuhdsd.org
Phạm vi cấp lớp	
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)	43694274330015

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2025-26

Tên Khu Học Chánh	Khu Học Chánh Trung Học East Side Union
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám Đốc Khu Học Chánh	Glenn Vander Zee
Địa chỉ email	vanderzeeg@esuhdsd.org
Trang web của Khu học chánh	www.esuhdsd.org

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Trường Trung Học Yerba Buena, được thành lập năm 1971, phục vụ cộng đồng dân cư đa văn hóa và chủ yếu là tầng lớp lao động ở Đông San Jose. Với số lượng học sinh gần 1,600 em, trường thể hiện sự hòa trộn văn hóa đa dạng và tự hào về mối quan hệ bền chặt mà đội ngũ nhân viên xây dựng với các học sinh và gia đình. Xuất phát từ sứ mệnh bảo đảm mọi học sinh tốt nghiệp sẵn sàng vào cao đẳng và đi làm, Yerba Buena cung cấp các biện pháp hỗ trợ học thuật vững chắc, các hệ thống can thiệp và nhiều cơ hội học tập đa dạng, bao gồm một chương trình Xếp Lớp Nâng Cao (Advanced Placement, AP) chuyên sâu.

Ngoài các hoạt động học thuật, Yerba Buena còn mang đến vô vàn các câu lạc bộ ngoại khóa, hoạt động thể thao, cơ hội thể hiện vai trò lãnh đạo và các lộ trình chuyên biệt như Project Lead The Way, các chương trình kiến trúc và xây dựng, TRiO, AVID và các sáng kiến tiếp cận cao đẳng/đại học. Cơ sở vật chất của trường—bao gồm rạp hát, sân vận động, trung tâm chăm sóc sức khỏe, phòng khám sức khỏe cộng đồng, Khu Liên Hợp Học Sinh và khu vực hỗ trợ phụ huynh—thể hiện cam kết của trường trong việc chăm sóc toàn diện cho học sinh. Sự gắn kết của gia đình là một giá trị cốt lõi, với nhiều cơ hội để các bậc cha mẹ trở thành đối tác tích cực trong thành công của con em họ.

Các điểm mạnh này hoàn toàn phù hợp với khuôn khổ MTSS Niềm Tự Hào của Chiến Binh (Warrior PRIDE) của Yerba Buena. Học sinh được hỗ trợ để trở thành những Người Giải Quyết Vấn Đề thông qua chương trình học thuật chuyên sâu và các biện pháp can thiệp có mục tiêu; những Người Cộng Tác Giàu Nguồn Lực thông qua các chương trình cổ vũ, hợp tác và định hướng theo nhóm; và những Nhà Tư Duy Sáng Tạo thông qua các lộ trình STEM, các khóa học AP và chương trình học tập thực tế. Cộng đồng đa dạng và tận tâm phục vụ của trường sẽ nuôi dưỡng những Công Dân Toàn Cầu Tận Tụy, đồng thời

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

vô số cơ hội lãnh đạo, thể hiện và kết nối sẽ giúp học sinh trưởng thành với vai trò Người Truyền Đạt Hiệu Quả. Warrior PRIDE không chỉ là một khuôn khổ—mà còn là nền tảng định hình nên Yerba Buena với vai trò là một trường học và cộng đồng.

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2024-25 theo từng khối lớp	
Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 9	331
Lớp 10	409
Lớp 11	425
Lớp 12	447
Tổng tuyển sinh	1,612

Tuyển sinh năm 2024-25 theo nhóm học sinh	
Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	47.3
Nam	52.1
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.1
Người gốc Á	41.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1.3
Người gốc Philippines	4.2
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	49.4
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.3
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.9
Người Da Trắng	2
Học Viên Tiếng Anh	25.2
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.1
Học sinh vô gia cư	4.5
Người nhập cư	0.4
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	69.3
Học sinh khuyết tật	7.8

A. Điều Kiện Học Tập

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Cho Phép/Phân Công	Số lượng của trường	Phần trăm của trường	Số lượng của Học Khu	Phần trăm của Học Khu	Số lượng của Tiểu Bang	Phần trăm của Tiểu Bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	59.1	82.35	943.6	82.39	234405.2	84
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	2.5	3.48	35.4	3.1	4853	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	2.7	3.76	79.5	6.95	12001.5	4.3
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0,8	1.11	25.6	2.24	11953.1	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	6.6	9.28	60.9	5.32	15831.9	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	71.8	100	1145.3	100	279044.8	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Cho Phép/Phân Công	Số lượng của trường	Phần trăm của trường	Số lượng của Học Khu	Phần trăm của Học Khu	Số lượng của Tiểu Bang	Phần trăm của Tiểu Bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	61.2	82.39	923.6	82.88	231142.4	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	3.3	4.51	22.8	2.05	5566.4	2
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	6.2	8.41	91.5	8.21	14938.3	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.4	1.9	22.9	2.06	11746.9	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	2	2.76	53.3	4.79	14303.8	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	74.2	100	1114.4	100	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2023-24

Cho Phép/Phân Công	Số lượng của trường	Phần trăm của trường	Số lượng của Học Khu	Phần trăm của Học Khu	Số lượng của Tiểu Bang	Phần trăm của Tiểu Bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)						
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng						
Tổng số vị trí giảng dạy						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)			
Cho Phép/Phân Công	2021-22	2022-23	2023-24
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	2	
Phân công sai	2.70	4.2	
Vị trí trống	0.00	0	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	2.70	6.2	

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)			
Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	1	
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.80	0.4	
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.80	1.4	

Phân công lớp học

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	5.8	6.6	6.6
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc cho phép giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ cho phép giảng dạy)	4.5	5.2	5.2

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2025-26

Trường Trung Học Yerba Buena sử dụng các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được phê duyệt và thông qua bởi Ủy Ban Chính Sách Giảng Dạy (IPC) của chúng tôi. Những tài liệu này hỗ trợ trực tiếp nhất cho việc giảng dạy phù hợp với phương pháp giảng dạy Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung (Common Core).

Năm và tháng dữ liệu được thu thập	Tháng Mười Một, 2024
------------------------------------	----------------------

Môn học	Danh sách các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác/ Cho biết có phải từ lần áp dụng/năm áp dụng gần nhất hay không	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	Tiếng Anh 1 – CommonLit, Inc. Lớp 9, 2025 Tiếng Anh 2 – CommonLit, Inc. Lớp 10, 2025 Tiếng Anh 3 – MyPerspectives: American Literature/Pearson, 2017 ERWC -- Tài Liệu Dành Cho Học Sinh Khóa Học Đọc và Viết Diễn Giải 2023 AP - Văn Chương và Ngôn Ngữ -- The Norton Reader AP - Văn Chương và Ngôn Ngữ -- The Intro to Literature	0%
Toán	Toán CCSS 1 – "Big Ideas Integrated Mathematics I," Big Ideas Learning, LLC 2016 Toán CCSS 2 – "Big Ideas Integrated Mathematics II," Big Ideas Learning, LLC 2016 Toán CCSS 3 – "Big Ideas Integrated Mathematics III," Big Ideas Learning, LLC 2016 Phân Tích Toán Học – "Precalculus With Limits A Graphing Approach 8e" Cengage Learning 2020, 2015 AP - Giải Tích Nhập Môn - "Precalculus With Limits A Graphing Approach 8e" Cengage Learning 2020, 2015 AP - Giải Tích AB - "Calculus 11e" Cengage Learning 2018, 2014 AP - Giải Tích BC - "Calculus 11e" Cengage Learning 2018, 2014 AP - Thống Kê - The Practice of Statistics, Ấn bản lần 6 đã cập nhật: BFW; 2020 Khám Phá Khoa Học Máy Tính - ECS: Exploring Computer Science; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP - Khoa Học Máy Tính A - Tài liệu trực tuyến Suy Luận Toán Học với Kết Nối - Tài liệu MRWC do CSU cung cấp	0%
Khoa Học	Sinh Học NGSS - The Living Earth -- Sách giáo khoa điện tử CK-12 Hóa Học NGSS Trong Hệ Trái Đất – Sách giáo khoa điện tử CK-12 Vật Lý Vũ Trụ NGSS - Sách giáo khoa điện tử CK-12 Giới Thiệu Thực Hành về Khoa Học Pháp Y, 2014	0%

	AP - Sinh Học - Biology for the AP Course - Morris et al, Bedford, Freeman, & Worth 2022 AP Hóa Học - Tro: Chemistry A Molecular Approach AP - Vật Lý 1 - College Physics: A Strategic Approach AP® Edition Ấn bản lần 4 AP - Khoa Học Môi Trường - Environmental Science for the AP Course, A. Friedland & R. Relyea, 2023 - Bedford, Freeman và Worth Sinh Lý Học - Welsh Hole's Essentials of Anatomy and Physiology 2021 2e with Lab Manual - McGraw Hill Kiến Thức Cốt Lõi về Trái Đất Sống - Sách giáo khoa điện tử CK-12 Kiến Thức Cốt Lõi về Khoa Học Vật Lý - Sách giáo khoa điện tử CK-12	
Lịch sử-Khoa học xã hội	Lịch Sử Thế Giới – "World History Interactive" SAVVAS 2022 Lịch Sử Hoa Kỳ – "United States History Interactive" SAVVAS 2022 Chính Phủ Hoa Kỳ – "Government Alive! Power, Politics and You" TCI 2022 Kinh Tế Học – "Econ Alive! The Power to Choose" TCI 2022 AP - Lịch Sử Thế Giới - "The Earth and Its Peoples AP Edition" Cengage Learning 2022 AP - Lịch Sử Hoa Kỳ - AP US History - Brinkley, American History: Connecting with the Past, AP Edition, 16e ©2023 AP - Chính Phủ - "Harrison, American Democracy Now" McGraw Hill 2022 AP - Kinh Tế Vĩ Mô/Vi Mô - "Economics (AP)" McGraw Hill 2025 AP - Địa Lý Nhân Văn - AP Human Geography - "Human Geography for the AP Course " 2022 AP - Tâm Lý Học - "Psychology for AP" Worth 2024 Địa Lý Thế Giới - "Geography Alive!" TCI 2011 Different Mirror for Young People a History 2012 Thinking About Psychology BFW 2019 "The Real World An Introduction to Sociology" Norton 2022 "Street Law" McGraw Hill 2023 "Juvenile Justice" McGraw Hill 2023	0%
Ngoại ngữ	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy đang sử dụng phải phù hợp các tiêu chuẩn và được thông qua chính thức.	0%
Sức Khỏe	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy đang sử dụng phải phù hợp các tiêu chuẩn và được thông qua chính thức.	0%
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy đang sử dụng phải phù hợp các tiêu chuẩn và được thông qua chính thức.	0%
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Các phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ.	0%
Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.		

Điều Kiện Cơ Sở Vật Chất của Trường và Những Cải Tiến Theo Kế Hoạch

Dữ liệu mới nhất từ Công Cụ Kiểm Tra Cơ Sở Vật Chất (FIT) cho thấy tình trạng tổng thể của cơ sở trường đều tốt, với xếp hạng tổng thể là 92.61%. Xếp hạng này cho thấy trường được bảo trì ở trạng thái tốt, chỉ tồn tại một số khiếm khuyết không nghiêm trọng. Những thiếu sót này chỉ là những trường hợp cá biệt, thường do hao mòn nhỏ và đang trong quá trình được khắc phục hoặc có tác động hạn chế đến môi trường học đường hàng ngày.

Đợt kiểm tra cho thấy tất cả các hệ thống chính—như gas, cơ khí, nước thải, HVAC, kết cấu và điện—đều hoạt động và an toàn. Các phòng học, nhà vệ sinh, vòi uống nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy và khu vực chung được vệ sinh và bảo trì thường xuyên, với các biện pháp phòng ngừa được áp dụng để kiểm soát dịch hại và giảm thiểu rủi ro. Những thiếu sót nhỏ

Điều Kiện Cơ Sở Vật Chất của Trường và Những Cải Tiến Theo Kế Hoạch

được ghi nhận thường liên quan đến việc sử dụng thông thường và không gây lo ngại về sức khỏe, an toàn hoặc khả năng tiếp cận; ví dụ bao gồm hao mòn bề ngoài nhỏ hoặc các hạng mục bảo trì đang chờ xử lý định kỳ. Nhìn chung, học sinh và nhân viên nhà trường được hưởng lợi từ môi trường học tập an toàn, sạch sẽ và được bảo trì tốt, phù hợp với định nghĩa của tiểu bang về xếp hạng “tốt” cho cơ sở vật chất của trường công lập.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất				Tháng Mười, 2025
Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá tốt	Đánh giá trung bình	Đánh giá kém	Sửa chữa cần thiết và hành động đã thực hiện hoặc dự trù
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ		X		
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà		X		
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			

Đánh giá chung về cơ sở vật chất			
Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành tích của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP						
Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.						
Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.						
Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.						
Môn học	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	55	55	56	56	47	48
Toán (lớp 3-8 và 11)	27	30	33	34	35	37

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn ELA theo nhóm học sinh	
Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.	

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng số ghi danh CAASPP	Số lượng được khảo thí CAASPP	Phần trăm được khảo thí CAASPP	Phần trăm không được khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	429	402	93.71	6.29	54.98
Nữ	197	185	93.91	6.09	62.70
Nam	232	217	93.53	6.47	48.39
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	182	178	97.80	2.20	71.35
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	16	16	100.00	0.00	68.75
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	209	188	89.95	10.05	38.30
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Học Viên Tiếng Anh	105	91	86.67	13.33	9.89
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	30	25	83.33	16.67	28.00
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	327	305	93.27	6.73	51.48
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	29	25	86.21	13.79	12.00

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng số ghi danh CAASPP	Số lượng được khảo thí CAASPP	Phần trăm được khảo thí CAASPP	Phần trăm không được khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	429	406	94.64	5.36	29.56
Nữ	197	185	93.91	6.09	28.11
Nam	232	221	95.26	4.74	30.77
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	182	179	98.35	1.65	49.72
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	16	16	100.00	0.00	37.50
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	209	189	90.43	9.57	10.05
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Học Viên Tiếng Anh	105	94	89.52	10.48	4.26
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	30	25	83.33	16.67	12.00
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	327	308	94.19	5.81	25.97
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	29	26	89.66	10.34	0.00

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và bậc Trung Học đạt hoặc vượt Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	34.68	33.37	39.02	39.56	30.73	32.33

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Khoa học theo nhóm học sinh					
Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.					
Nhóm học sinh	Tổng số ghi danh	Số lượng được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	876	849	96.92	3.08	33.37
Nữ	419	406	96.90	3.10	31.28
Nam	457	443	96.94	3.06	35.29
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	382	378	98.95	1.05	50.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	14	13	92.86	7.14	7.69
Người gốc Philippines	32	32	100.00	0.00	34.38
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	418	396	94.74	5.26	17.72
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	16	16	100.00	0.00	43.75
Học Viên Tiếng Anh	220	208	94.55	5.45	1.92
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	60	55	91.67	8.33	16.36
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	676	652	96.45	3.55	32.10
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	73	65	89.04	10.96	10.77

Chương trình Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp 2024-25

Trường trung học của chúng tôi cung cấp các khóa học nhằm giúp học sinh chuẩn bị bắt đầu đi làm. Các khóa học giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp (CTE, trước đây gọi là giáo dục hướng nghiệp) này dành cho tất cả học sinh.

Các khóa học/chương trình bao gồm:

- Kỹ thuật
- Thiết Kế Kiến Trúc và Xây Dựng Xanh
- Lộ trình Ngành Luật
- Chương trình College Connection Academy (CCA) nơi học sinh lớp 11 và 12 tham gia các lớp học tại Trường Cao Đẳng Evergreen Valley vào các Thứ Ba và Thứ Năm
- Chương trình AVID
- Chương trình Lãnh Đạo Học Sinh
- Học sinh cũng có thể tham gia chương trình Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp Silicon Valley (SVCTE) bên ngoài trường tại địa chỉ 760 Hillsdale Avenue, San Jose, CA 95136. SVCTE cung cấp xe buýt đưa đón học sinh đến và đi từ trường. Chương trình SVCTE cung cấp nhiều khóa học và dưới đây là các khóa học mà học sinh YB tham gia:

Chương trình Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp 2024-25

HOẠT HÌNH
HOÀN THIỆN THÂN XE
CÔNG NGHỆ DIESEL SẠCH
TRỢ LÝ NHA KHOA
BẢO TRÌ ĐIỆN
ĐÀO TẠO KHOA HỌC CHỮA CHÁY/ỨNG CỨU BAN ĐẦU
KHOA HỌC PHÁP Y
HỆ THỐNG NHIỆT/THÔNG GIÓ/ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (HVAC)
KHOA HỌC ĐỘNG VẬT TÍCH HỢP
CƠ ĐIỆN TỬ
TRỢ LÝ Y TẾ
Y TẾ/NGHỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE
CÔNG NGHỆ KHÍ TƯƠNG: ỨNG DỤNG TOÁN/THIẾT KẾ CHẾ TẠO
NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG
KHOA HỌC PCCC 1
CÔNG NGHỆ DƯỠC PHẨM

Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp (CTE) năm 2024-25

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	

Đăng ký/Hoàn thành khóa học 2024-25

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	

B. Kết quả học tập của học sinh	Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết quả khác của học sinh SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.
--	---

Tỷ lệ tham gia Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia từng thành phần trong số năm thành phần kiểm tra thể lực của Bài Kiểm Tra Thể Lực California. Bài thi PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm thành phần kiểm tra thể lực này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được kiểm tra từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Bài tập hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 9	96.7%	96.1%	96.4%	97.0%	96.4%

C. Mức Độ Gắn Kết	Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu tiên 3): Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.
--------------------------	--

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2025-26

Nhà trường cung cấp nhiều cơ hội tham gia dành cho phụ huynh, được thiết kế để thúc đẩy sự hợp tác, giao tiếp cởi mở và hỗ trợ sự thành công của học sinh. Một kênh quan trọng là Hội Đồng Trường, nơi phụ huynh được mời tham gia cùng với Ban Giám Hiệu, Nhân Viên và Học Sinh để thảo luận về các cập nhật của trường, các dịch vụ và các quyết định về ngân sách. Những cuộc họp này được tổ chức thường xuyên và cung cấp thông tin có giá trị về cách thức hoạt động của trường.

Phụ huynh cũng có thể kết nối trực tiếp với ban lãnh đạo nhà trường thông qua chương trình Trò Chuyện cùng Hiệu Trưởng, một diễn đàn mở được tổ chức vào cuối mỗi học kỳ. Những buổi họp này khuyến khích các gia đình trao đổi các mối quan tâm, chia sẻ ý tưởng và tìm hiểu về các sự kiện hoặc thay đổi sắp tới tại trường. Ngoài ra, Ủy Ban Cố Vấn Anh Ngữ hỗ trợ các gia đình có Học Viên Tiếng Anh, giúp bảo đảm rằng tiếng nói của phụ huynh được lắng nghe trong quá trình đưa ra quyết định cho những học sinh có hoàn cảnh xuất thân đa dạng.

Các cơ hội tham gia bổ sung bao gồm các buổi họp theo cấp lớp tập trung vào việc lập kế hoạch trung học phổ thông, cao đẳng và nghề nghiệp, cũng như các buổi cung cấp thông tin cho gia đình học sinh có Kế Hoạch Giáo Dục Cá Nhân (IEP) và Kế Hoạch 504. Các buổi họp này giúp phụ huynh luôn được cập nhật thông tin và tham gia vào hành trình giáo dục của con em mình, với các lựa chọn tham gia trực tuyến lẫn trực tiếp để tối đa hóa khả năng tiếp cận.

C. Mức Độ Gắn Kết

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt thường xuyên

Tỷ lệ bỏ học và tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)									
Chỉ số	Trường Học 2022-23	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu Bang 2022-23	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25
Tỷ lệ bỏ học	7.8	4.9		15.2	12.3		8.2	8.9	
Tỷ lệ tốt nghiệp	89.6	90.3		77.8	80.5		86.2	86.4	

Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2024-25 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Tỷ lệ tốt nghiệp trong nhóm
Tất cả học sinh			
Nữ			
Nam			
Phi nhị giới			
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa			
Người gốc Á			
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi			
Người gốc Philippines			
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh			
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương			
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên			
Người Da Trắng			
Học Viên Tiếng Anh			
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng			
Học sinh vô gia cư			
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn			
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư			
Học sinh khuyết tật			

Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp>.

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Vắng mặt thường xuyên năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Tổng số tuyển sinh cộng dồn	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh				
Nữ				
Nam				
Phi nhị giới				
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa				
Người gốc Á				
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi				
Người gốc Philippines				
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh				
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương				
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên				
Người Da Trắng				
Học Viên Tiếng Anh				
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng				
Học sinh vô gia cư				
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn				
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư				
Học sinh khuyết tật				

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức Độ Gắn Kết

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các biện pháp nội bộ khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đình chỉ.

Đình chỉ								
Trường Học 2022-23	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2022-23	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2022-23	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25

4.93%	5.04%		3.72%	2.82%		3.6%	3.28%	
-------	-------	--	-------	-------	--	------	-------	--

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đuổi học.

Đuổi học								
Trường Học 2022-23	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2022-23	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2022-23	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25

0.05%	0%		0.05%	0.05%		0.08%	0.07%	
-------	----	--	-------	-------	--	-------	-------	--

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2024-25

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh		
Nữ		
Nam		
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa		
Người gốc Á		
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi		
Người gốc Philippines		
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh		
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương		
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên		
Người Da Trắng		
Học Viên Tiếng Anh		
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng		
Học sinh vô gia cư		
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn		
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư		
Học sinh khuyết tật		

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2025-26

Bảo đảm sự an toàn và hạnh phúc của học sinh và nhân viên là ưu tiên hàng đầu tại Trường Trung Học Yerba Buena. Ủy Ban An Toàn của Trường Trung Học Yerba Buena đã và đang nỗ lực phát triển và liên tục giám sát việc triển khai kế hoạch an toàn trường học toàn diện. Kế hoạch này được thiết kế để giải quyết một loạt các mối quan ngại về an toàn, bao gồm mọi thứ từ phòng ngừa bạo lực đến chuẩn bị ứng phó động đất, với mục tiêu cuối cùng là tạo ra một môi trường an toàn và nuôi dưỡng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng nhà trường của chúng ta.

Hằng năm, kế hoạch an toàn trường học của chúng tôi đều được cập nhật và rà soát kỹ lưỡng. Quy trình hợp tác này có sự tham gia của Ban Giám Hiệu Nhà Trường, Trưởng Bộ Môn và Hội Đồng Trường Học, nhằm đảm bảo các chiến lược và quy trình luôn được cập nhật và hiệu quả trong việc bảo vệ học sinh và nhân viên. Điều quan trọng không kém đối với thành công của kế hoạch an toàn của chúng ta là sự tham gia của Hội Đồng An Toàn Phụ Huynh và Cộng Đồng, hoạt động ở cấp độ học khu. Hội đồng này đóng vai trò là nguồn thông tin giá trị, cho phép liên tục cải thiện các biện pháp an toàn ở cấp độ cơ sở, thể hiện cam kết của chúng tôi đối với một môi trường học tập an toàn, chủ động và dựa trên thông tin.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện này được xem xét thường niên với Hội Đồng Trường Học. Bản dự thảo CSSP hiện đang được các bên liên quan xem xét thông qua Hội Đồng Trường Học. Văn kiện cuối cùng phải được nộp cho Bộ Phận Công Tác Học Sinh vào Tháng Hai, 2026. Kế hoạch này sẽ được trình lên hội đồng quản trị phê duyệt vào cuối mùa xuân.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lượng lớp học” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	25	20	53	3
Toán	26	14	41	3
Khoa Học	29	11	27	13
Khoa Học Xã Hội	27	12	34	6

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lượng lớp học” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	25	21	51	1
Toán	26	14	31	9
Khoa Học	27	13	31	7
Khoa Học Xã Hội	26	13	36	6

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2024-25

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2024-25. Các cột có tiêu đề “Số lượng lớp học” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh				
Toán				
Khoa Học				
Khoa Học Xã Hội				

Tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập năm 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học tập. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2024-25

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên Gia Âm Ngữ/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2023-24. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng chi tiêu mỗi học sinh	Chi tiêu mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu mỗi học sinh (Không hạn chế)	Mức lương giáo viên trung bình
Trường Học	\$13,034	\$3,325	\$9,709	\$106,934
Khu Học Chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,454	\$116,804
Phần Trăm Chênh Lệch - Cấp Trường và Cấp Học Khu	Không áp dụng	Không áp dụng	-7.4	-3.8
Tiểu Bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$11,146	\$113,595
Phần Trăm Chênh Lệch - Cấp Trường và Cấp Tiểu Bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-10.4	1.6

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2024-25

Trường Trung Học Yerba Buena cung cấp một mạng lưới hỗ trợ học thuật mạnh mẽ được thiết kế để giúp mọi học sinh đều thành công. Đội ngũ giáo viên áp dụng các chiến lược hỗ trợ nhiều cấp độ và được phân hóa phù hợp với sáng kiến Ngôn Ngữ Học Thuật của học khu, bảo đảm rằng hoạt động giảng dạy vừa dễ tiếp cận vừa chuyên sâu đối với nhiều đối tượng học sinh khác nhau. Chương trình hỗ trợ học tập ngoài giờ và Chương Trình Phục Hồi ADA và Học Thuật Thứ Bảy cung cấp thêm thời gian để học sinh củng cố các kỹ năng, hoàn thành bài tập và phục hồi các cơ hội học tập. Người Học Tiếng Anh (ELL) được hưởng lợi từ việc theo dõi tiến độ liên tục và các biện pháp hỗ trợ mục tiêu, trong khi công nghệ giảng dạy bổ trợ tăng cường khả năng tiếp cận với giảng dạy chất lượng cao trong toàn bộ chương trình giảng dạy.

Nhà trường cung cấp nhiều lộ trình và chương trình giúp học sinh chuẩn bị đạt được thành công ở bậc cao đẳng/đại học cũng như khi đi làm. Học sinh có thể tiếp cận AVID, Học Viện College Connection, và các lộ trình định hướng nghề nghiệp tập trung vào Xây Dựng, Kỹ Thuật, Luật cũng như các khóa học Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp (CTE) của Silicon Valley. Các chương trình này cung cấp phương pháp học tập thực hành và các trải nghiệm thực tế, giúp học sinh khám phá sở thích, xây dựng các kỹ năng làm việc và chuẩn bị cho các cơ hội sau trung học. Yerba Buena cũng hợp tác với Chương Trình Tiếp Cận Đại Học (CAP) và nhiều Tổ Chức Cộng Đồng, bao gồm The City Peace Project, để cung cấp hoạt động cố vấn, hướng dẫn học tập, các cơ hội bồi dưỡng cũng như các biện pháp hỗ trợ phục hồi.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của học sinh trong cộng đồng, Yerba Buena cung cấp các dịch vụ toàn diện dành cho phụ huynh và học sinh, nhằm thúc đẩy sức khỏe toàn diện, sự kết nối và gắn bó giữa mọi người. Một đội ngũ tận tâm về sức khỏe tinh thần và sức khỏe toàn diện, cùng với không gian thư giãn trong khuôn viên trường, bảo đảm học sinh có thể tiếp cận sự hỗ trợ về mặt cảm xúc và xã hội. Các chương trình xóa mù chữ cho phụ huynh và các cơ hội gắn kết gia đình sẽ liên tục củng cố mối quan hệ hợp tác giữa gia đình và nhà trường. Ngoài các hoạt động học thuật, học sinh có thể tham gia nhiều môn thể thao và câu lạc bộ ngoại khóa, cũng như Chương Trình Lãnh Đạo Học Sinh, tạo cơ hội để xây dựng cộng đồng, phát triển năng lực lãnh đạo và trưởng thành cá nhân. Cùng nhau, những chương trình này thể hiện cam kết của nhà trường trong việc hỗ trợ thành công về mặt học thuật, xã hội và cảm xúc cho mọi học sinh.

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2023-24. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Số tiền của Khu Học Chánh	Trung bình của tiểu bang cho các Khu Học Chánh trong cùng danh mục
Lương giáo viên mới	\$69,900	\$67,238
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$110,474	\$106,841
Mức lương cao nhất của Giáo viên	\$141,638	\$136,881
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Tiểu học)		
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Sơ trung)		\$167,233
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Trung học)	\$181,735	\$193,950
Mức lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$329,669	\$314,304
Phần trăm ngân sách cho Lương giáo viên	30.96%	29.51%
Phần trăm ngân sách dành cho Lương của Ban giám hiệu	3.45%	4.87%

Các khóa học Xếp Lớp Nâng Cao (AP) năm 2024-25

Bảng này hiển thị phần trăm học sinh tham gia các khóa học AP tại trường này.

Tỷ lệ học sinh tham gia các khóa học AP	
---	--

Bảng này hiển thị số lượng khóa học AP được cung cấp tại trường này, nơi có ít nhất một học sinh đăng ký theo học.

Môn học	Số lượng khóa học AP được cung cấp
Khoa học máy tính	
Tiếng Anh	
Mỹ thuật và Nghệ thuật biểu diễn	
Ngoại ngữ	
Toán	
Khoa Học	
Khoa Học Xã Hội	
Tổng số khóa học AP được cung cấp	
Có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.	

Phát Triển Chuyên Môn

Chương trình phát triển chuyên môn tại chỗ trong các buổi họp tác Thứ Sáu, từ 8:15 đến 9:30 sáng, bao gồm một loạt các trải nghiệm học tập toàn diện cho đội ngũ giáo viên, nhân viên. Lịch trình này bao gồm kết hợp giữa các buổi đào tạo toàn thể nhân viên, cuộc họp phòng ban và những ngày phát triển chuyên môn “tự chọn chủ đề”, mang đến cho các nhà giáo dục nhiều lựa chọn để phát triển và hợp tác. Các chủ đề được đề cập trong các buổi đào tạo toàn thể nhân viên bao gồm các công cụ công nghệ như Minga và ParentSquare, sức khỏe thể chất và tinh thần và tự chăm sóc, phòng chống bạo lực tại nơi làm việc, Đề Mục IX, bắt nạt dựa trên tình trạng nhập cư, và ứng phó khẩn cấp, cùng với các buổi về sức khỏe tâm thần, đánh giá nguy

Phát Triển Chuyên Môn

cơ tự tử, và hỗ trợ học sinh có nguy cơ.

Các buổi họp của phòng ban đi sâu vào các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy dựa trên dữ liệu, theo dõi tiến độ và hỗ trợ mục tiêu cho Người Học Tiếng Anh, bao gồm đào tạo theo mô-đun Ellevation để hỗ trợ tốt hơn cho học sinh đa ngôn ngữ. Các buổi này cũng bao gồm việc chuẩn bị cho các cột mốc học tập quan trọng, chẳng hạn như luyện thi SBAC, và sự hợp tác giữa các nhóm và lộ trình học tập khác nhau trong trường, giúp đội ngũ nhân viên hoàn thiện các chiến lược giảng dạy theo bối cảnh.

Các ngày phát triển chuyên môn “tự chọn chủ đề” cho phép nhân viên lựa chọn từ nhiều hội thảo khác nhau, bảo đảm các chủ đề liên quan đến sở thích và nhu cầu chuyên môn của họ. Trong suốt năm học, nhiều buổi tập huấn tập trung vào việc tự đánh giá của đội ngũ, xây dựng chiến lược và vinh danh những thành tựu, biến buổi họp mặt Thứ Sáu thành một không gian năng động và linh hoạt cho sự phát triển chuyên môn liên tục.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2023-24	2024-25	2025-26
Số ngày học dành cho Phát Triển Nhân Viên và Cải Tiến Liên Tục	25	24	27